TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ S** TỈNH PHÚ YÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **07**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18/03/2024
Về việc "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ S - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Long và Ông Phan Văn Ký.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Bảo Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã S , tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã S – tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Trương Đức Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã S , xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 215/2023/TLST–HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST–HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T - sinh năm 1991; địa chỉ: phường N, Quận L, TP. Đ. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Bị đơn:* Anh Vũ Thanh T1 - sinh năm 1989; địa chỉ: khu phố Lý, phường Y, thị xã S , tỉnh Phú Yên. Vắng mặt lần hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn ly hôn và tại đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 17/01/2024, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày được tóm tắt như sau:*

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Thanh T1 tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, Quận L, TP. Đ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 91/2016.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là không có tiếng nói chung, không cùng nhau nuôi dạy con chung, không còn qua lại, chăm sóc gì cho nhau. Do đó, tình cảm giữa chị T và anh T1 thật sự không còn, không thể nào sống chung với nhau được nên chị T yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Thanh T1.

Về con chung: Có một con chung tên Vũ Ngọc Thiên D, sinh ngày 04/03/2017 (giới tính: Nữ) hiện nay đang ở với chị T. Ly hôn, chị T có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu D và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu Toà giải quyết.

Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Tại đơn xin trình bày ý kiến ngày 18/12/2023, bị đơn anh Vũ Thanh T1 trình bày:* Anh T1 và chị Nguyễn Thị T kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, Quận L, TP. Đ, trong quá trình chung sống hai vợ chồng không có xảy ra mâu thuẫn, không có bạo lực gia đình, không có tài sản chung, có 01 con chung tên Vũ Ngọc Thiên D, sinh năm 2017, không có nợ nần gì cả, anh T1 đề nghị xem xét từ chối đơn ly hôn của vợ là Nguyễn Thị T để con được ở chung với hai vợ chồng. Ngày 29/02/2024 anh Vũ Thanh T1 có đơn trình bày gửi cho Tòa án, đồng ý ly hôn với vợ là Nguyễn Thị T.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng anh T1 vắng mặt, không có lý do.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Vũ Thanh Tùng. Về con chung: Giao con chung tên Vũ Ngọc Thiên D, sinh ngày 04/03/2017 (giới tính: Nữ) cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: chị T và anh T1 xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Buộc chị T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn anh Vũ Thanh T1 và yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, quan hệ pháp luật "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS, bị đơn anh T1 cư trú tại: KP. L, phường Y, thị xã S , tỉnh Phú Yên, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã S theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh Vũ Thanh T1 không thường xuyên có mặt ở nhà cũng như địa phương nên Tòa đã tống đạt văn bản tố tụng cho ông Vũ Nguyên V là cha đẻ anh T1 và anh T1 cũng đã nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T1 không đến Tòa thuộc trường hợp được triệu tập hợp lệ nhưng anh T1 vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên, bị đơn là chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Thanh T1 theo khoản 3 Điều 228 của BLTTDS.

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Thanh T1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 91/2016 của UBND phường N, Quận L, TP. Đ là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn: Theo lời trình bày của chị Nguyễn Thị T thì nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do không có tiếng nói chung, không cùng nhau nuôi dạy con chung; mâu thuẫn phát sinh từ năm 2019 đến nay chị T và anh T1 không còn chung sống với nhau, ngày 18/12/2023 anh T1 có đơn trình bày mong Tòa án xem xét từ chối đơn ly hôn của chị T. Nhưng đến ngày 29/02/2023, anh T1 có đơn trình bày đồng ý ly hôn. Điều đó cho thấy tình cảm giữa chị T và anh T1 thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của Thu là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị T yêu cầu nuôi dưỡng con chung tên Vũ Ngọc Thiên D, sinh ngày 04/03/2017 (giới tính: Nữ). Xét thấy hiện tại chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D, cháu D có nguyện vọng ở với chị T, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu D nên giao cháu Vũ Ngọc Thiên D cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Việc chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Thanh T1 không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn là 300.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

+ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

+ Các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

+ Các điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Vũ Thanh T1.

[2] Về con chung: Giao con chung tên Vũ Ngọc Thiên D, sinh ngày 04/03/2017 (giới tính: Nữ) cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Vũ Thanh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Vũ Thanh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn; được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí mà chị T đã tạm nộp, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008698 ngày 08/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã S. Chị T nộp đủ án phí.

[5] Nguyên, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Thị xã S ;
- Chi cục thi hành án Thị xã S ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Minh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân	**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
	Nguyễn Minh Hoàng